

Bản án số: 05/2025/HNGĐ - ST
Ngày 10 tháng 4 năm 2025
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Quang Dự

Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tất Thắng và Ông: Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/03/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị D**, sinh ngày 08/10/1998 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm C, xã K, huyện V, tỉnh Hòa Bình

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn Q**, sinh ngày 13/02/1998 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm B, xã K, huyện V, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/3/2020 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hòa Bình, sau kết hôn vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì nhiều, do tôi đã ba lần mang thai nhưng không có khả năng sinh con dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, từ tháng 8/2024 đến nay mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn Q.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản, công nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Bùi Văn Q trình bày:*

- Tôi và chị Bùi Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/3/2020 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Hòa Bình, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ tôi tại Xóm V, xã K, huyện V, quá trình chung sống vợ chồng chung sống bình thường, không mâu thuẫn gì, do chị D là người khó sinh con 03 lần mang thai đều không sinh được, dẫn đến ảnh hưởng về tâm lý và sức khỏe, đi khám chị D vẫn có khả năng sinh con tuy có khó trong việc mang thai, chị D xin ly hôn tôi không đồng ý vì vợ chồng tôi vẫn còn tình cảm, nếu vợ tôi không có khả năng sinh con thì tôi vẫn yêu thương.

- *Về con chung:* Không có

- *Về tài sản, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/04/2025 chị Bùi Thị D giữ nguyên yêu cầu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Anh Bùi Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do, anh không có ý kiến yêu cầu gì thêm khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục Tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã đảm bảo được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Áp dụng, khoản 1 Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị D, xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn Q; Về con chung và tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề cập; Về án phí chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn Q hiện đang cư trú tại xã K, huyện V, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Bùi Thị D do có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung:* Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/3/2020, tại UBND xã K, huyện V, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau kết do chị D nhiều lần mang thai nhưng không có khả năng sinh con dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, từ tháng 8/2024 anh chị không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Do mâu thuẫn vợ chồng, hôn nhân không có hạnh phúc chị Bùi Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn Q.

+ *Đối với ý kiến anh Bùi Văn Q:* Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ anh tại Xóm C, xã K, huyện Kim V, quá trình chung sống vợ chồng chung sống bình thường, không mâu thuẫn gì, do chị D là người khó sinh con 03 lần mang thai đều không sinh được, dẫn đến ảnh hưởng về tâm lý và sức khỏe, đi khám chị D vẫn có khả năng sinh con tuy có khó trong việc mang thai, chị D xin ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, nếu chị D không có khả năng sinh con thì anh vẫn yêu thương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành Hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, sau đó chị Bùi Thị D có đơn đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải, chị vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn Q, trong thời gian giải quyết vụ án anh Q mặc dù mong muốn chị D về đoàn tụ, nhưng anh không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, để vợ chồng tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng anh chị vẫn mỗi người sống một nơi. Kết quả xác minh tại nơi cư trú, vợ chồng anh chị mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì đoàn thể nơi cư trú không biết, do anh chị không đề nghị đoàn thể hòa giải, qua xác minh chị D và anh Q không chung sống cùng nhau từ tháng 8/2024.

Như vậy ý kiến anh không đồng ý ly hôn, anh cho rằng vẫn yêu thương chị D là không có căn cứ. HĐXX không chấp nhận ý kiến của anh, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Q là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị, xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn Q, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Không có nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Bùi Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. *Về con chung*: Không có.

3. *Tài sản, công nợ chung*: Không có.

4. *Án phí*: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị D được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0003296 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Nam Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Quang Dự